

Số: 36/2025/QĐST-HNGĐ

PL, ngày 21 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn LV, xã VH, huyện PL, thành phố Huế.

- Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn HA, xã VH, huyện PL, thành phố Huế.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 03 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh D và chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr thỏa thuận giao người con chung là Phạm Trần Huy H, sinh ngày 11/01/2021 cho chị Trần Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến

khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr thuận tình ly hôn.

1.2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Phạm Trần Huy Hoàng, sinh ngày 11/01/2021 cho chị Trần Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Ngọc D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Phạm Ngọc D và chị Trần Thị Tr mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005493 và Biên lai số 0005494, cùng ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, thành phố Huế. Anh D và chị Tr đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a,

Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Tư pháp hộ tịch UBND xã VH
(ĐKKH ngày 24/8/2020);
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú